Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 18**

*Thực hiện từ ngày 12 tháng 01 năm 2026*

| THỨ | TIẾT | 10A1 (Cường) | | 10A2 (Đồng) | | 10A3 (Thị Xuân) | | 10B1 (Cúc) | | 10B2 (Lê Na) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Hóa - Mùa | Văn - Cường | Sử - Trang-sử | HĐTN-HN - Mùa | Lí - Thị Xuân | Lí - Thị Xuân | Chào cờ | | Chào cờ | |
| | 2 | CĐ(Hóa) - Mùa | HĐTN-HN - Mùa | Lí - Thị Xuân | Văn - Cường | Văn - Dũng | CN - Tiến | CĐ(Lí) - Phương | | CĐ(Lí) - Huyên | |
| | 3 | Lí - Phương | CN - Hải | Sinh - Nụ | Lí - Thị Xuân | Văn - Dũng | HĐTN-HN - Mùa | Sử - Cúc | | Sinh - Lê Na | |
| | 4 | CĐ(Lí) - Phương | CĐ(CN) - Hải | Sinh - Nụ | Hóa - Mùa | Toán - Đồng | CĐ(Lí) - Thị Xuân | Địa - Thuận | | Sinh - Lê Na | |
| | 5 | Sinh - Lê Na | Chào cờ | Toán - Đồng | Chào cờ | Hóa - AnhH | Chào cờ | Địa - Thuận | | CN - Di | |
| 3 | 1 | | Sinh - Lê Na | | Sinh - Nụ | | CN - Tiến | Toán - AnhT | | CN - Di | Văn - Dũng |
| | 2 | | Văn - Cường | | CĐ(Hóa) - Mùa | | CN - Tiến | Toán - AnhT | Lí - Phương | CN - Di | Địa - Thuận |
| | 3 | | Văn - Cường | | Hóa - Mùa | | Sinh - Tú | Văn - Bích | Địa - Thuận | CĐ(CN) - Di | Sử - Cúc |
| | 4 | | Lí - Phương | | Văn - Cường | | Văn - Dũng | Văn - Bích | CN - Tiến | Toán - AnhT | Lí - Huyên |
| | 5 | | Sử - Trang-sử | | Văn - Cường | | Văn - Dũng | | CĐ(CN) - Tiến | | |
| 4 | 1 | | Hóa - Mùa | | CN - Hải | | Toán - Đồng | Sinh - Tú | | Toán - AnhT | |
| | 2 | | CN - Hải | | Toán - Đồng | | Sinh - Tú | Sinh - Tú | | Toán - AnhT | |
| | 3 | | CN - Hải | | Toán - Đồng | | Sử - Cúc | Toán - AnhT | | Lí - Huyên | |
| | 4 | | Toán - AnhT | | HĐTN-HN - Mùa | | Hóa - AnhH | Văn - Bích | | CĐ(Sinh) - Lê Na | |
| | 5 | | Toán - AnhT | | Hóa - Mùa | | Hóa - AnhH | CĐ(Sinh) - Tú | | Sinh - Lê Na | |
| 5 | 1 | | Hóa - Mùa | | CĐ(CN) - Hải | | Toán - Đồng | Toán - AnhT | | Văn - Dũng | |
| | 2 | | HĐTN-HN - Mùa | | CN - Hải | | Toán - Đồng | CN - Tiến | | Văn - Dũng | |
| | 3 | | Toán - AnhT | | Toán - Đồng | | HĐTN-HN - Mùa | CN - Tiến | | Toán - AnhT | |
| | 4 | | | | | | | Lí - Phương | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | |
| | 5 | | | | | | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | Địa - Thuận | |
| 6 | 1 | | Toán - AnhT | | CĐ(Lí) - Phương | | Sinh - Tú | Lí - Phương | | Văn - Dũng | |
| | 2 | | Sinh - Lê Na | | Văn - Cường | | CĐ(Hóa) - AnhH | Sinh - Tú | | Địa - Thuận | |
| | 3 | | Lí - Phương | | Lí - Thị Xuân | | CĐ(CN) - Tiến | Văn - Bích | | HĐTN-HN - Tấn Dũng | |
| | 4 | | Văn - Cường | | CN - Hải | | Lí - Thị Xuân | HĐTN-HN - Tấn Dũng | | Lí - Huyên | |
| | 5 | | SHL - Cường | | SHL - Đồng | | SHL - Thị Xuân | SHL - Cúc | | SHL - Lê Na | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 18**

*Thực hiện từ ngày 12 tháng 01 năm 2026*

| THỨ | TIẾT | 10B3 (Di) | | 11A1 (Tiến) | | 11A2 (Lai) | | 11B1 (Thuận) | | 11B2 (Trang-PL) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | | | CN - Tiến | | HĐTN-HN - Lai | Chào cờ | | Chào cờ | |
| | 2 | Sử - Cúc | | | Văn - Bích | | HĐTN-HN - Lai | Sinh - Nụ | | Địa - Thuận | |
| | 3 | Địa - Thuận | | | HĐTN-HN - Tiến | | Văn - Bích | GDKTPL - Trang-PL | | Lí - Thị Xuân | |
| | 4 | CN - Di | | | HĐTN-HN - Tiến | | Văn - Bích | Lí - Thị Xuân | | Toán - Cành | |
| | 5 | CĐ(Sinh) - Nụ | | | Chào cờ | | Chào cờ | Lí - Thị Xuân | | Toán - Cành | |
| 3 | 1 | Văn - Bích | Lí - Huyên | | GDKTPL - Trang-PL | | Toán - AnhT | Văn - Dũng | Địa - Thuận | Lí - Thị Xuân | CĐ (Sử) - Trang-sử |
| | 2 | Văn - Bích | Toán - AnhT | | Lí - Hà | | GDKTPL - Trang-PL | CĐ(Lí) - Thị Xuân | Sinh - Nụ | GDKTPL - Trang-PL | Văn - Thanh |
| | 3 | Toán - AnhT | Sinh - Nụ | | Lí - Hà | | CN - Tiến | Lí - Thị Xuân | GDKTPL - Trang-PL | Toán - Cành | Văn - Thanh |
| | 4 | CN - Di | | | Toán - Bé | | Hóa - Mùa | Sinh - Nụ | CĐ (Sử) - Trang-sử | Sử - Trang-sử | Địa - Thuận |
| | 5 | HĐTN-HN - Di | | | Hóa - Mùa | | Lí - Hà | | | | |
| 4 | 1 | CĐ(Lí) - Huyên | | | Toán - Bé | | CN - Tiến | Toán - Cành | | Sinh - Nụ | |
| | 2 | Văn - Bích | | | CĐ(Hóa) - Mùa | | Toán - AnhT | Toán - Cành | | HĐTN-HN - Trang-PL | |
| | 3 | Văn - Bích | | | CĐ(CN) - Tiến | | Toán - AnhT | CĐ(Sinh) - Nụ | | GDKTPL - Trang-PL | |
| | 4 | Lí - Huyên | | | Sử - Nga | | CĐ(CN) - Tiến | Sử - Trang-sử | | GDKTPL - Trang-PL | |
| | 5 | Lí - Huyên | | | CN - Tiến | | Sử - Cúc | GDKTPL - Trang-PL | | CĐ(Sinh) - Nụ | |
| 5 | 1 | CN - Di | | | Lí - Hà | | Văn - Bích | HĐTN-HN - Lai | | Sinh - Nụ | |
| | 2 | HĐTN-HN - Di | | | CĐ(Lí) - Hà | | Văn - Bích | HĐTN-HN - Lai | | Sinh - Nụ | |
| | 3 | CĐ(CN) - Di | | | Văn - Bích | | CĐ(Lí) - Hà | Địa - Thuận | | Văn - Thanh | |
| | 4 | Toán - AnhT | | | | | | Địa - Thuận | | Văn - Thanh | |
| | 5 | Toán - AnhT | | | | | | Văn - Dũng | | Toán - Cành | |
| 6 | 1 | Sinh - Nụ | | GDKTPL - Trang-PL | CN - Tiến | CĐ(Hóa) - Mùa | GDKTPL - Trang-PL | Toán - Cành | | Địa - Thuận | |
| | 2 | Sinh - Nụ | | Hóa - Mùa | GDKTPL - Trang-PL | Lí - Hà | Toán - AnhT | Toán - Cành | | HĐTN-HN - Trang-PL | |
| | 3 | Địa - Thuận | | Hóa - Mùa | Toán - Bé | GDKTPL - Trang-PL | Lí - Hà | Văn - Dũng | | Lí - Thị Xuân | |
| | 4 | Địa - Thuận | | Văn - Bích | Toán - Bé | Hóa - Mùa | CN - Tiến | Văn - Dũng | | CĐ(Lí) - Thanh Xuân | |
| | 5 | SHL - Di | | Văn - Bích | SHL - Tiến | Hóa - Mùa | SHL - Lai | SHL - Thuận | | SHL - Trang-PL | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 18**

*Thực hiện từ ngày 12 tháng 01 năm 2026*

| THỨ | TIẾT | 11B3 (Vinh) | | 11C1 (Hải) | | 11C2 (Tấn Dũng) | | 11C3 (Huyên) | | 12A1 (Nga) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | | | CĐ(CN) - Hải | CĐ(Lí) - Huyên | Toán - Bé | | Lí - Huyên | Chào cờ | Sử+ - Nga |
| | 2 | CĐ (Sử) - Trang-sử | | | Văn - Dũng | CĐ(CN) - Di | Toán - Bé | | Lí - Huyên | GDKTPL - Thủy | GDKTPL+ - Thủy |
| | 3 | Toán - Cành | | | HĐTN-HN - Lai | CĐ (Sử) - Trang-sử | Văn - Dũng | | Văn - Cường | Văn - Thanh | Văn+ - Thanh |
| | 4 | Văn - Dũng | | | Lí - Huyên | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Văn - Dũng | | Văn - Cường | Văn - Thanh | CĐ (Sử) - Nga |
| | 5 | HĐTN-HN - Vinh | | | Chào cờ | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Chào cờ | | Chào cờ | Lí - Phương | |
| 3 | 1 | GDKTPL - Trang-PL | | Toán - Bé | CĐ(Lí) - Hà | | Sinh - Tú | | Văn - Cường | Hóa - AnhH | CN - Phát |
| | 2 | Văn - Dũng | CĐ(Sinh) - Lê Na | Toán - Bé | Văn - Dũng | | Sử - Trang-sử | | Lí - Huyên | GDKTPL - Thủy | CN - Phát |
| | 3 | Sinh - Lê Na | Sinh - Lê Na | CĐ (Sử) - Trang-sử | Lí - Huyên | | Văn - Dũng | | Toán - AnhT | Toán - Bé | Toán+ - Bé |
| | 4 | Lí - Thị Xuân | GDKTPL - Trang-PL | HĐTN-HN - Lai | Sinh - Lê Na | | Địa - Hưng | | Sinh - Tú | Toán - Bé | CĐ(CN) - Phát |
| | 5 | CĐ(Lí) - Thị Xuân | Địa - Thuận | Sử - Trang-sử | Sinh - Lê Na | | Lí - Huyên | | Địa - Hưng | | |
| 4 | 1 | GDKTPL - Trang-PL | | | Địa - Hưng | | CN - Di | | Sinh - Tú | HĐTN-HN - Hạnh | |
| | 2 | Sử - Trang-sử | | | Toán - Bé | | CN - Di | | Địa - Hưng | HĐTN-HN - Hạnh | |
| | 3 | Toán - Cành | | | Toán - Bé | | Sinh - Tú | | CN - Di | CN - Phát | |
| | 4 | HĐTN-HN - Vinh | | | CN - Hải | | Địa - Hưng | | CN - Di | GDKTPL - Thủy | |
| | 5 | | | | CN - Hải | | Địa - Hưng | | Sử - Nga | Toán - Bé | |
| 5 | 1 | Địa - Thuận | | | Địa - Hưng | | Toán - Bé | | CN - Di | Lí - Phương | |
| | 2 | Địa - Thuận | | | Địa - Hưng | | Toán - Bé | | Toán - AnhT | Toán - Bé | |
| | 3 | Văn - Dũng | | | CN - Hải | | CN - Di | | Địa - Hưng | CĐ(Lí) - Phương | |
| | 4 | Văn - Dũng | | | | | | | | Sử - Nga | |
| | 5 | SHL - Vinh | | | | | | | | Văn - Thanh | |
| 6 | 1 | Lí - Thị Xuân | | | Sinh - Lê Na | | Văn - Dũng | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Văn - Cường | Văn - Thanh | |
| | 2 | Lí - Thị Xuân | | | Văn - Dũng | | Lí - Huyên | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Sinh - Tú | Hóa - AnhH | |
| | 3 | Sinh - Lê Na | | | Văn - Dũng | | Lí - Huyên | CĐ (Sử) - Nga | Toán - AnhT | Hóa - AnhH | |
| | 4 | Toán - Cành | | | Lí - Huyên | | Sinh - Tú | CĐ(CN) - Di | Toán - AnhT | Lí - Phương | |
| | 5 | Toán - Cành | | | SHL - Hải | | SHL - Tấn Dũng | CĐ(Lí) - Huyên | SHL - Huyên | SHL - Nga | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 18**

*Thực hiện từ ngày 12 tháng 01 năm 2026*

| THỨ | TIẾT | 12A2 (Hà) | | 12A3 (AnhV) | | 12B1 (Thủy) | | 12B2 (Nụ) | | 12B3 (Thanh) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | Hóa - AnhH | Chào cờ | | Chào cờ | Địa+ - Hưng | Chào cờ | Văn+ - Bích | Chào cờ | GDKTPL+ - Thủy |
| | 2 | Lí - Hà | Văn+ - Thanh | CN - Hải | CĐ(CN) - Hải | Địa - Hưng | Văn+ - AnhV | Toán - Cành | Địa+ - Hưng | Văn - Thanh | Sử+ - Nga |
| | 3 | Lí - Hà | GDKTPL+ - Thủy | Toán - Đồng | Sử+ - Nga | GDKTPL - Thủy | Sử+ - Trang-sử | Địa - Hưng | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Sử - Nga | Toán+ - Đồng |
| | 4 | Sử - Cúc | | Lí - Hà | Toán+ - Đồng | Văn - AnhV | Văn - AnhV | Địa - Hưng | Sử+ - Trang-sử | GDKTPL - Thủy | Văn+ - Thanh |
| | 5 | Văn - Thanh | | CĐ(Lí) - Hà | CĐ (Sử) - Nga | | Văn - AnhV | GDKTPL - Thủy | | Địa - Hưng | |
| 3 | 1 | Văn - Thanh | | HĐTN-HN - Yến | | Sinh - Tú | | Toán - Cành | | GDKTPL - Thủy | |
| | 2 | Văn - Thanh | | Hóa - AnhH | | CĐ(Tin) - Yến | | Toán - Cành | | Tin - Lai | |
| | 3 | GDKTPL - Thủy | | Hóa - AnhH | | Tin - Yến | | Sinh - Nụ | | HĐTN-HN - Lai | |
| | 4 | Toán - Cành | | Văn - AnhV | | HĐTN-HN - Yến | | GDKTPL - Thủy | | Văn - Thanh | |
| | 5 | Toán - Cành | | Văn - AnhV | | HĐTN-HN - Yến | | Văn - Bích | | Văn - Thanh | |
| 4 | 1 | CN - Phát | | CN - Hải | | Toán - Bé | | Văn - Bích | | Sinh - Lê Na | |
| | 2 | CĐ(CN) - Phát | | CN - Hải | | Toán - Bé | | CĐ(Sinh) - Nụ | | Sinh - Lê Na | |
| | 3 | HĐTN-HN - Hạnh | | Toán - Đồng | | Sinh - Tú | | Sử - Trang-sử | | GDKTPL - Thủy | |
| | 4 | HĐTN-HN - Hạnh | | Hóa - AnhH | | Tin - Yến | | Toán - Cành | | Toán - Đồng | |
| | 5 | GDKTPL - Thủy | | HĐTN-HN - Yến | | Sử - Trang-sử | | | | Toán - Đồng | |
| 5 | 1 | Toán - Cành | | GDKTPL - Thủy | | Địa - Hưng | | CĐ(Tin) - Tấn Dũng | | Toán - Đồng | |
| | 2 | Toán - Cành | | GDKTPL - Thủy | | Địa - Hưng | | Tin - Tấn Dũng | | Toán - Đồng | |
| | 3 | GDKTPL - Thủy | | Sử - Nga | | Toán - Bé | | Tin - Tấn Dũng | | Địa - Hưng | |
| | 4 | CN - Phát | | Toán - Đồng | | Toán - Bé | | GDKTPL - Thủy | | Địa - Hưng | |
| | 5 | CN - Phát | | Toán - Đồng | | | | Địa - Hưng | | Tin - Lai | |
| 6 | 1 | Lí - Hà | Hóa - AnhH | GDKTPL - Thủy | Lí+ - Hà | Sinh - Tú | CĐ (Sử) - Trang-sử | Văn - Bích | Toán+ - Cành | CĐ(Sinh) - Lê Na | HĐTN-HN - Lai |
| | 2 | Văn - Thanh | Lí+ - Hà | Văn - AnhV | Văn+ - AnhV | Tin - Yến | Toán+ - Bé | Văn - Bích | CĐ (Sử) - Trang-sử | CĐ (Sử) - Nga | Tin - Lai |
| | 3 | CĐ (Sử) - Cúc | Toán+ - Cành | Lí - Hà | Văn - AnhV | GDKTPL - Thủy | CĐ(Sinh) - Tú | Sinh - Nụ | Tin - Tấn Dũng | Văn - Thanh | CĐ(Tin) - Lai |
| | 4 | Hóa - AnhH | CĐ(Lí) - Hà | Lí - Hà | | GDKTPL - Thủy | Văn - AnhV | Sinh - Nụ | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Sinh - Lê Na | |
| | 5 | SHL - Hà | | SHL - AnhV | | SHL - Thủy | | SHL - Nụ | | SHL - Thanh | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 18**

*Thực hiện từ ngày 12 tháng 01 năm 2026*

| THỨ | TIẾT | 12C1 (AnhH) | | 12C2 (Thanh Xuân) | | 12C3 (Phương) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | Văn+ - AnhV | Chào cờ | | Chào cờ | | | | | |
| | 2 | Sinh - Lê Na | Hóa+ - AnhH | Lí - Thanh Xuân | | Văn - AnhV | | | | | |
| | 3 | Văn - AnhV | Hóa - AnhH | CĐ(CN) - Vinh | | Hóa - AnhH | | | | | |
| | 4 | Lí - Thanh Xuân | Toán - Bé | CN - Vinh | | Hóa - AnhH | | | | | |
| | 5 | CĐ(Lí) - Thanh Xuân | | | | CĐ (Sử) - Cúc | | | | | |
| 3 | 1 | CĐ(CN) - Vinh | | Sinh - Nụ | Văn+ - Thanh | Văn - AnhV | Sử+ - Cúc | | | | |
| | 2 | CN - Vinh | | Sinh - Nụ | Sử+ - Cúc | Văn - AnhV | Sinh - Tú | | | | |
| | 3 | Văn - AnhV | | CN - Vinh | Lí - Thanh Xuân | Sinh - Tú | CĐ(Lí) - Phương | | | | |
| | 4 | Sinh - Lê Na | | Hóa - AnhH | Văn - Thanh | CN - Vinh | Sử - Cúc | | | | |
| | 5 | Sinh - Lê Na | | Hóa - AnhH | CĐ(Lí) - Thanh Xuân | | | | | | |
| 4 | 1 | CN - Vinh | | HĐTN-HN - Yến | | Toán - Đồng | | | | | |
| | 2 | CN - Vinh | | HĐTN-HN - Yến | | Toán - Đồng | | | | | |
| | 3 | Toán - Bé | | Hóa - AnhH | | HĐTN-HN - Yến | | | | | |
| | 4 | Toán - Bé | | Sinh - Nụ | | Sinh - Tú | | | | | |
| | 5 | | | Toán - Cành | | Hóa - AnhH | | | | | |
| 5 | 1 | CĐ (Sử) - Nga | | Văn - Thanh | | CN - Vinh | | | | | |
| | 2 | Sử - Nga | | Văn - Thanh | | CN - Vinh | | | | | |
| | 3 | HĐTN-HN - Lai | | CN - Vinh | | Toán - Đồng | | | | | |
| | 4 | HĐTN-HN - Lai | | Toán - Cành | | CĐ(CN) - Vinh | | | | | |
| | 5 | Toán - Bé | | | | Lí - Phương | | | | | |
| 6 | 1 | Lí - Thanh Xuân | Toán+ - Bé | CĐ (Sử) - Cúc | Lí+ - Thanh Xuân | Văn - AnhV | Văn+ - AnhV | | | | |
| | 2 | Lí - Thanh Xuân | Lí+ - Thanh Xuân | Sử - Cúc | Toán+ - Cành | Lí - Phương | Lí+ - Phương | | | | |
| | 3 | Văn - AnhV | Hóa - AnhH | Toán - Cành | Lí - Thanh Xuân | Lí - Phương | Toán+ - Đồng | | | | |
| | 4 | Văn - AnhV | Hóa - AnhH | Văn - Thanh | Toán - Cành | HĐTN-HN - Yến | Toán - Đồng | | | | |
| | 5 | SHL - AnhH | | SHL - Thanh Xuân | | SHL - Phương | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |